

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1987

Địa chỉ: xóm K, thôn M, xã T, TP.QN, tỉnh QN

Bị đơn: Anh Đặng Thế K, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ X, thôn Y, xã L, TP.V, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Đặng Thế K.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Đặng Thế K thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Đặng Thế K có 01 (một) con chung tên là Đặng Thành Tr, sinh ngày 26/6/2014.

Theo sự thỏa thuận của các đương sự, chị Phạm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh Đặng Thế K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Quyết định có

hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đặng Thế K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi, theo mức lãi suất bằng 10%/năm trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị N và anh Đặng Thế K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ: Chị Phạm Thị N tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do chị Phạm Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005874 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.V; chị Phạm Thị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP V;
- Thi hành án DS TP.V;
- UBND xã L, TP V;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn H